

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08/02/2023

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đức Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Ngợi;

Bà Lê Thị Thu Đông;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên;

Ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Anh **Châu Văn Th**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại các lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Châu Văn Th đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 dương lịch thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống cũng như trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng không nói chuyện được với nhau, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng,

mặc dù được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, sau khi ly thân, anh Th bỏ đi làm ăn ở tỉnh Hải Dương, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Châu Văn Th có 02 con chung là cháu Châu Minh Đ, sinh ngày 10/10/2016 và cháu Châu Đình Tr, sinh ngày 10/8/2019, hiện nay 02 cháu đang ở cùng với chị H. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị H và anh Th không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Châu Văn Th trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau, thường xuyên cãi chửi nhau, đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh Th xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được. Chị H đề nghị ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh Châu Văn Th và chị Phạm Thị H có 02 con chung là cháu Châu Minh Đ, sinh ngày 10/10/2016 và cháu Châu Đình Tr, sinh ngày 10/8/2019. Khi ly hôn anh Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Châu Minh Đ, chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Châu Đình Tr cho đến khi trưởng thành. Anh Th và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ: Anh Th và chị H không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng : Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc “ *Kiến xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Toà án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo đúng trình tự pháp

luật quy định kể từ ngày thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm, các phần tiến hành tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đã được Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự, đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung, hướng giải quyết vụ án:

+ Đối với quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Th.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; giao cháu Châu Minh Đ, sinh ngày 10/10/2016 và cháu Châu Đình Tr, sinh ngày 10/8/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H và anh Th đều không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Th kết hôn với nhau ngày 04/5/2016, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K,

huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Xác định, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Th là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị H và anh Th sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 dương lịch thì xảy ra mâu thuẫn đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên cãi chửi nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn đoàn tụ vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Th.

Về con chung: Xác định chị Phạm Thị H và anh Châu Văn Th có 02 con chung là cháu Châu Minh Đ, sinh ngày 10/10/2016 và cháu Châu Đình Tr, sinh ngày 10/8/2019 hiện nay đang ở cùng chị H. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Châu Minh Đ, chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Châu Đình Tr cho đến khi trưởng thành. Anh Th và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ kết quả xác minh, ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ cuối năm 2020 đến nay anh Th bỏ đi làm thuê nhưng không chu cấp bất kỳ khoản tiền nào để nuôi con, thường xuyên vắng mặt khỏi địa phương, không có nhà riêng hiện vẫn sống nhờ nhà bố mẹ đẻ, từ khi ly thân cũng không thăm nom, chăm sóc con lần nào. Quá trình giải quyết vụ án, anh Th trình bày đang làm thuê cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B, có trụ sở tại xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương, mức lương khoảng từ 8-11 triệu đồng/tháng, Tòa án đã yêu cầu cung cấp Hợp đồng lao động cũng như bảng lương và các giấy tờ liên quan đến thu nhập nhưng anh Th không cung cấp. Tại phiên tòa anh Th trình bày đã bỏ việc tại Công ty B, hiện nay chưa có việc làm, chưa có thu nhập. Do đó, anh Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Châu Minh Đ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Đối với chị Phạm Thị H: Từ khi ly thân cuối năm 2020 đến nay một mình chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu Đức và cháu Trọng, anh Th không thăm nom, cũng không chu cấp khoản tiền nào để nuôi con. Chị H có nhà riêng, làm nghề cắt tóc, gội đầu, làm thẩm mỹ..., thu nhập trung bình khoảng 15 triệu đồng/tháng,

việc làm ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác, cháu Đ hiện đang học tại Trường Tiểu học, còn cháu T đang học tại Trường mầm non cùng tại xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, các cháu hiện đang học tập ổn định, phát triển bình thường về cả thể chất lẫn tinh thần.

Để đảm bảo sự phát triển tốt về mọi mặt cho con chung, tránh sự sáo trộn trong học tập cũng như cuộc sống, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao cháu Cháu Minh Đ và cháu Cháu Đình Tr cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở; có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Th xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Th không phải chịu án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Cháu Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Cháu Minh Đ, sinh ngày 10/10/2016 và cháu Cháu Đình Tr, sinh ngày 10/8/2019 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Cháu Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001551 ngày 23/11/2022 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn anh Châu Văn Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/02/2023); Nguyên đơn chị Phạm Thị H, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- UBND xã K (để ghi Sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Đức Quỳnh